

QUY CHẾ (LIÊN MINH CHÂU ÂU) SỐ 995/ 2010 CỦA NGHỊ VIỆN VÀ HỘI ĐỒNG
CHÂU ÂU

Ban hành ngày 20/10/2010 đưa vào những quy định đối với những nhà kinh doanh đưa gỗ và
sản phẩm gỗ vào thị trường

(phần nội dung liên quan tới EEA)

NGHỊ VIỆN VÀ HỘI ĐỒNG CHÂU ÂU CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU,

Trên cơ sở Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu, đặc biệt là nội dung Điều 192
(1),

Trên cơ sở đề xuất của Ủy ban Châu Âu,

Theo ý kiến của Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Âu¹,

Trên cơ sở tham vấn Ủy ban về các vùng, lãnh thổ,

Thực hiện tuân thủ các thủ tục pháp lý thông thường²,

Xét thấy:

- (1) Rừng mang lại các lợi ích to lớn về môi trường, kinh tế và xã hội bao gồm gỗ và lâm sản ngoài gỗ cũng như các dịch vụ môi trường cần thiết cho nhân loại, như là duy trì đa dạng sinh học và các chức năng hệ sinh thái và bảo vệ hệ khí hậu.
- (2) Do nhu cầu ngày càng tăng lên đối với gỗ và các sản phẩm gỗ trên toàn thế giới, trên cơ sở kết hợp với những thiếu hụt, kẽ hở về thể chế và quản trị mà hiện đang tồn tại trong ngành lâm nghiệp của một số quốc gia sản xuất, khai thác gỗ trái phép và các hoạt động thương mại có liên quan đã trở thành những vấn đề được quan tâm hơn bao giờ hết.
- (3) Khai thác trái phép là một vấn đề phổ biến thu hút sự quan tâm đặc biệt của thế giới. Vấn nạn này được xem là một mối hiểm họa to lớn đối với các khu rừng khi nó góp phần vào quá trình mất rừng và suy thoái rừng, được quy trách nhiệm cho khoảng 20% lượng phát thải khí CO₂ trên toàn thế giới, đe dọa tính đa dạng sinh học, và làm suy yếu công tác quản lý và phát triển rừng bền vững bao gồm cả khả năng tồn tại của các nhà kinh doanh trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Nó cũng góp phần vào quá trình sa mạc hóa và xói mòn đất cũng như làm gia tăng tính nghiêm trọng của các biến động thời tiết và lũ lụt. Hơn nữa, nó cũng có những ảnh hưởng nhất định tới các khía cạnh xã hội, chính trị và kinh tế, thường làm suy yếu những nỗ lực hướng tới quản trị hiệu quả đồng thời đe dọa tới sinh kế của những cộng đồng địa phương sống lệ thuộc vào rừng, và việc này có thể gắn liền với những xung đột có vũ trang. Việc chống lại vấn đề khai thác trái phép trong phạm vi Quy định này được kỳ vọng sẽ đóng góp vào những nỗ lực giảm thiểu biến đổi khí hậu của Liên minh Châu Âu một cách hiệu quả về mặt chi phí đồng thời có thể được nhìn nhận như là phần bổ sung vào hành động và các cam kết của Liên minh trong khuôn khổ Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu.

¹ OJ C 318, 23.12.2009, trang 88.

² Luận điểm của Nghị viện Châu Âu ngày 22 tháng 4 năm 2009 (OJ C 184 E, 8.7.2010, trang. 145), luận điểm của Hội đồng tại phiên họp khởi động ngày 1 tháng 3 năm 2010 (OJ C 114 E, 4.5.2010, trang 17) và luận điểm của Nghị viện Châu Âu ngày 7 tháng 7 năm 2010 (chưa được công bố trong Bản tin chính thức).

- (4) Quyết định số 1600/2002/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ban hành ngày 22 tháng 7 năm 2002 đưa vào Chương trình hành động Môi trường Cộng đồng lần thứ 6³ xác định như là một hành động ưu tiên để xem xét khả năng áp dụng các biện pháp tích cực nhằm ngăn chặn và chống lại nạn buôn bán gỗ được khai thác trái phép đồng thời tiếp tục tham gia tích cực của Liên minh và các quốc gia thành viên trong việc thực thi các nghị quyết và thỏa ước toàn cầu và khu vực về các vấn đề liên quan đến rừng.
- (5) Thông báo của Ủy ban đưa ra ngày 21/5/2003 với tiêu đề “Thực thi lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại (FLEGT): Đề xuất về một Kế hoạch hành động của EU” đã đưa ra đề xuất về một gói các biện pháp nhằm hỗ trợ những nỗ lực của quốc tế để giải quyết vấn đề khai thác trái phép và hoạt động thương mại liên quan trong bối cảnh những nỗ lực chung của Liên minh hướng tới đạt được mục tiêu quản lý rừng bền vững.
- (6) Nghị viện và Hội đồng Châu Âu hoan nghênh và đồng tình với Thông báo này và ghi nhận sự cần thiết đối với Liên minh trong việc góp phần vào những nỗ lực của thế giới nhằm giải quyết vấn đề khai thác trái phép.
- (7) Trên cơ sở mục tiêu của Thông báo, cụ thể là nhằm đảm bảo rằng chỉ có các sản phẩm gỗ mà đã được sản xuất tuân thủ quy định luật pháp của quốc gia sản xuất gỗ có thể được phép vào Liên minh, và Liên minh đã và đang đàm phán các Hiệp định Đối tác Tự nguyện (FLEGT VPAs) với các quốc gia sản xuất gỗ (các quốc gia đối tác), theo đó tạo dựng một quy định mang tính pháp lý đối với các bên nhằm thực hiện một hệ thống cấp phép đồng thời quy định hoạt động thương mại đối với gỗ và các sản phẩm gỗ được xác định trong khuôn khổ các Hiệp định FLEGT VPAs đó.
- (8) Do tầm quan trọng và tính cấp thiết của vấn đề, cần tích cực hỗ trợ đối phó với khai thác và thương mại lâm sản trái phép, bổ sung và thúc đẩy sáng kiến FLEGT-VPA và cải thiện mối liên kết giữa các chính sách bảo tồn rừng và thành tựu bảo vệ môi trường ở cấp độ cao, bao gồm chống lại biến đổi khí hậu và mất mát đa dạng sinh học.
- (9) Cần công nhận các nỗ lực của các quốc gia đã ký thỏa thuận FLEGT VPA với Liên minh và các nguyên tắc của nó, đặc biệt có liên quan đến định nghĩa gỗ sản xuất hợp pháp, và cần khuyến khích hơn nữa việc tham gia vào thỏa thuận của các quốc gia khác. Cũng cần tính đến rằng với chế độ cấp phép của FLEGT chỉ có gỗ được khai thác phù hợp với các quy định luật pháp quốc gia có liên quan và lâm sản có xuất xứ từ nguồn gỗ này được xuất khẩu tới các nước trong Liên minh. Do đó, gỗ nằm trong những lâm sản được liệt kê trong Phụ lục II và III theo Quy chế của Ủy ban (EC) số 2173/2005 ngày 20/12/2005 về thiết lập cơ chế cấp phép FLEGT về nhập khẩu gỗ vào Cộng đồng châu Âu⁴, có nguồn gốc tại các quốc gia đối tác được liệt kê trong Phụ lục I theo Quy chế này, cần được coi như đã được khai thác hợp pháp miễn là những lâm sản ấy phù hợp với Quy chế này và mọi điều khoản thi hành.
- (10) Cũng cần tính đến thực tế là Công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng (CITES) đưa ra yêu cầu cho các bên tham gia CITES chỉ được cấp giấy phép CITES cho việc xuất khẩu khi khai thác một loài trong

³ OJ L 242, 10.9.2002, trang 1.

⁴ OJ L 347, 30.12.2005, trang 1

danh mục CITES, trong đó bao gồm phù hợp với luật pháp quốc gia tại nước xuất khẩu. Do đó các loài gỗ được liệt kê trong Phụ lục A, B hoặc C trong Quy chế của Ủy ban (EC) số 338/97 ngày 9/12/1996 về bảo vệ các loại động thực vật hoang dã thông qua quản lý thương mại⁵ có thể được coi là đã được khai thác hợp pháp miễn là nó phù hợp với Quy chế này và mọi điều khoản thi hành.

- (11) Cũng cần lưu ý rằng việc sử dụng gỗ và lâm sản tái chế nên được khuyến khích, và rằng bao gồm các sản phẩm này trong phạm vi Quy chế này sẽ đặt một gánh nặng không cân xứng lên các nhà kinh doanh gỗ và lâm sản đã qua sử dụng đã hết vòng đời, và nếu không sẽ bị xử lý như chất thải, cần được loại trừ khỏi phạm vi này Quy chế.
- (12) Việc đưa vào thị trường nội bộ lần đầu tiên gỗ khai thác trái phép và lâm sản có nguồn gốc từ gỗ loại này phải bị cấm như một trong các biện pháp của Quy chế này. Tính đến sự phức tạp của khai thác gỗ trái phép, nguyên nhân cơ bản và tác động của nó, các biện pháp cụ thể cần được tiến hành, chẳng hạn như các biện pháp hướng đến hành vi của nhà kinh doanh.
- (13) Trong bối cảnh của Kế hoạch hành động FLEGT của Ủy ban và, khi thích hợp, các thành viên có thể hỗ trợ và tiến hành các nghiên cứu về mức độ và tính chất của khai thác trái phép tại các quốc gia khác nhau và đưa những thông tin này phổ biến rộng rãi, cũng như hỗ trợ đưa ra những hướng dẫn thiết thực cho các nhà kinh doanh về luật áp dụng tại các quốc gia sản xuất gỗ.
- (14) Trong trường hợp không có định nghĩa được công nhận quốc tế, pháp luật của quốc gia mà gỗ được khai thác, bao gồm các quy định cũng như việc thực hiện trong quốc gia đó mà có liên quan đến các công ước quốc tế mà quốc gia đó là thành viên, sẽ là cơ sở để xác định những cấu thành của khai thác trái phép
- (15) Nhiều sản phẩm gỗ trải qua nhiều quá trình trước và sau khi chúng được đưa vào thị trường nội bộ lần đầu tiên. Để tránh áp đặt mọi gánh nặng hành chính không cần thiết, chỉ có nhà kinh doanh đưa gỗ và lâm sản vào thị trường nội bộ lần đầu phải tuân theo hệ thống giải trình, trong khi một thương nhân trong chuỗi cung ứng nên được yêu cầu cung cấp thông tin cơ bản về nhà cung cấp và người mua gỗ để cho phép truy xuất nguồn gốc gỗ và sản phẩm gỗ.
- (16) Trên cơ sở phương pháp tiếp cận hệ thống, các nhà kinh doanh đưa gỗ và sản phẩm gỗ lần đầu tiên vào thị trường nội bộ nên tiến hành các bước thích hợp để xác định là gỗ khai thác trái phép và sản phẩm gỗ có nguồn gốc từ gỗ trái phép không được đưa vào thị trường nội bộ. Để đạt được điều đó, các nhà kinh doanh nên thực hiện tuân thủ nghiêm ngặt thông qua một hệ thống các biện pháp và thủ tục để giảm thiểu nguy cơ đưa gỗ khai thác trái phép và sản phẩm gỗ có nguồn gốc từ gỗ trái phép vào thị trường nội bộ
- (17) Hệ thống giải trình bao gồm ba yếu tố vốn có để quản lý rủi ro: truy cập thông tin, đánh giá rủi ro và giảm nhẹ rủi ro đã được xác định. Hệ thống giải trình cần cung cấp quyền truy cập vào thông tin về các nguồn và các nhà cung cấp của gỗ và sản phẩm gỗ đưa vào thị trường nội bộ lần đầu tiên, bao gồm thông tin liên quan như phù hợp với luật pháp áp dụng, quốc gia khai thác, loài, số lượng, và nếu có thể địa phương cụ

⁵ OJ L 61, 3.3.1997, trang 1.

thể và khoanh khai thác. Trên cơ sở thông tin này, các nhà kinh doanh cần thực hiện đánh giá rủi ro. Trong trường hợp xác định được nguy cơ, nhà kinh doanh nên giảm thiểu rủi ro đó bằng biện pháp phù hợp, với một quan điểm nhằm ngăn chặn gỗ khai thác trái phép và lâm sản có nguồn gốc từ gỗ trái phép được đưa vào thị trường nội bộ.

- (18) Để tránh mọi gánh nặng hành chính không cần thiết, các hệ thống hoặc thủ tục đã được các nhà kinh doanh sử dụng mà đáp ứng được các yêu cầu của Quy chế này không cần phải thiết lập hệ thống mới.
- (19) Nhằm xác nhận thực hành tốt trong ngành lâm nghiệp, chứng chỉ hoặc cơ chế bên thứ ba xác nhận bao gồm xác minh sự phù hợp với pháp luật hiện hành có thể được sử dụng trong thủ tục đánh giá rủi ro.
- (20) Ngành gỗ có tầm quan trọng lớn đối với nền kinh tế của Liên minh. Các tổ chức của các nhà kinh doanh là những nhân tố quan trọng trong ngành khi họ đại diện cho lợi ích của các yếu tố trong nền kinh tế trên quy mô lớn và tương tác với nhiều bên liên quan. Những tổ chức này cũng có chuyên môn và năng lực phân tích luật liên quan và tạo thuận lợi cho việc tuân thủ của các thành viên của họ, nhưng không nên sử dụng khả năng này để thống trị thị trường. Để tạo thuận lợi cho việc thực hiện Quy chế và góp phần vào thực hành tốt, cần phải công nhận các tổ chức đã xây dựng hệ thống giải trình đáp ứng các yêu cầu của Quy chế này. Công nhận và hủy bỏ công nhận của các cơ quan giám sát phải được thực hiện một cách công bằng và minh bạch. Danh sách các tổ chức được công nhận phải được công khai để thúc đẩy các nhà kinh doanh sử dụng các tổ chức này.
- (21) Cơ quan có thẩm quyền cần tiến hành kiểm tra các cơ quan giám sát thường xuyên để xác minh rằng họ đã thực hiện hiệu quả các nghĩa vụ quy định trong Quy chế này. Hơn nữa, các cơ quan có thẩm quyền phải nỗ lực tiến hành kiểm tra khi có thông tin có liên quan, bao gồm cả những lo ngại từ các bên thứ ba.
- (22) Cơ quan có thẩm quyền cần giám sát các nhà kinh doanh thực hiện hiệu quả nghĩa vụ quy định trong Quy chế này. Để đạt được mục đích đó, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành kiểm tra chính thức, theo một kế hoạch, có thể bao gồm kiểm tra tại chỗ các nhà kinh doanh và kiểm tra tại hiện trường, và có thể yêu cầu các nhà kinh doanh có các biện pháp khắc phục khi cần thiết. Hơn nữa, các cơ quan có thẩm quyền phải nỗ lực tiến hành kiểm tra khi có thông tin có liên quan, bao gồm cả những lo ngại từ các bên thứ ba.
- (23) Cơ quan có thẩm quyền cần lưu giữ hồ sơ của các đợt kiểm tra và các thông tin có liên quan phải sẵn có theo Chỉ thị 2003/4/EC của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 28/1/2003 về tính công khai của thông tin môi trường⁶
- (24) Tính đến đặc tính quốc tế của khai thác và thương mại lâm sản trái phép, các cơ quan có thẩm quyền cần hợp tác với nhau và với chính quyền của các nước thứ ba và Ủy ban.
- (25) Nhằm hỗ trợ cho các nhà kinh doanh đưa gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường nội bộ tuân thủ theo các yêu cầu của Quy chế này, có tính đến tình hình của các nhà kinh doanh nhỏ và vừa, các nước thành viên, với sự hỗ trợ của Ủy ban nếu có thể, cung cấp

⁶ OJ L 41, 14.2.2003, trang 26.

cho các nhà kinh doanh sự hỗ trợ kỹ thuật và các hỗ trợ khác và thúc đẩy trao đổi thông tin. Những hỗ trợ này không làm giảm nghĩa vụ của các nhà kinh doanh trong việc thực hiện trách nhiệm giải trình.

- (26) Thương nhân và các cơ quan giám sát cần ngưng các biện pháp có thể gây phương hại cho việc đạt được mục tiêu của Quy chế này.
- (27) Các nước thành viên phải đảm bảo rằng hành vi vi phạm Quy chế này, dù do các nhà kinh doanh, thương nhân hay các cơ quan giám sát đều bị xử phạt bởi các hình phạt hiệu quả, thích đáng và có tính răn đe. Các quy tắc quốc gia có thể quy định rằng, sau khi các hình phạt hiệu quả, thích đáng và có tính răn đe được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định cấm đưa gỗ khai thác trái phép hoặc lâm sản có nguồn gốc từ gỗ trái phép vào thị trường nội bộ, thì gỗ và sản phẩm gỗ này không nhất thiết bị hủy mà có thể được thay thế hoặc sử dụng cho mục đích công.
- (28) Ủy ban cần được trao quyền để áp dụng các hoạt động được ủy quyền theo quy định của Điều 290 của Hiệp ước về các chức năng của Liên minh châu Âu (TFEU) liên quan đến thủ tục công nhận và thu hồi công nhận cơ quan giám sát, về tiêu chí đánh giá rủi ro có liên quan mà có thể cần để bổ sung những điều đã được quy định tại Quy chế này và liên quan đến Danh mục sản phẩm gỗ và gỗ mà Quy chế này áp dụng. Nó có tầm quan trọng đặc biệt mà Ủy ban tiến hành tham vấn thích hợp trong khi chuẩn bị, kể cả ở cấp chuyên gia.
- (29) Để đảm bảo điều kiện thống nhất cho việc thực thi, quyền thực hiện cần được trao cho Ủy ban để thông qua quy định chi tiết về tần suất và tính chất của các đợt kiểm tra do cơ quan có thẩm quyền về các cơ quan giám sát và về hệ thống trách nhiệm giải trình, ngoại trừ liên quan đến tiêu chí đánh giá rủi ro có liên quan. Theo Điều 291 TFEU, các quy định và nguyên tắc chung về cơ chế kiểm soát của các nước thành viên về việc sử dụng quyền thực hiện của Ủy ban sẽ được đặt ra trước bởi một quy định theo thủ tục lập pháp thông thường. Trong khi chờ thông qua quy định mới của Hội đồng, Quyết định 1999/468/EC ngày 28/6/1999 đặt ra các thủ tục quyền hạn thực hiện trao cho Ủy ban⁷ tiếp tục được áp dụng, với ngoại lệ của thủ tục pháp lý với sự giám sát, thì sẽ không được áp dụng.
- (30) Các nhà kinh doanh và các cơ quan có thẩm quyền phải được cho một thời gian hợp lý để tự chuẩn bị đáp ứng các yêu cầu của Quy chế này.
- (31) Vì mục tiêu của Quy chế này, cụ thể là cuộc chiến chống khai thác gỗ trái phép và buôn bán sản phẩm gỗ có nguồn gốc trái phép, không thể đạt được ở cấp quốc gia thành viên riêng biệt, và, vì lý do quy mô của nó, có thể dễ đạt được hơn ở cấp Liên minh, Liên minh có thể áp dụng các biện pháp, phù hợp với các nguyên tắc như đã nêu trong quy định tại Điều 5 của Hiệp ước về Liên minh châu Âu. Theo nguyên tắc tương xứng, như được quy định tại Điều khoản đó, Quy chế này không đi xa hơn mức cần thiết để đạt được mục tiêu,

ĐÃ THÔNG QUA QUY CHẾ NÀY:

Điều 1
Đối tượng

⁷ OJ L 184, 17.7.1999, trang 23

Quy chế này đưa ra các nghĩa vụ của nhà kinh doanh, người đưa gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường nội bộ lần đầu, cũng như các nghĩa vụ của thương nhân.

Điều 2 **Định nghĩa**

Vì mục đích của Quy chế này, các định nghĩa sau được áp dụng:

(a) 'gỗ và sản phẩm gỗ' có nghĩa là gỗ và sản phẩm gỗ nêu ra trong Phụ lục, ngoại trừ sản phẩm gỗ hoặc các thành phần của sản phẩm đó được sản xuất từ gỗ hoặc các sản phẩm gỗ đã kết thúc vòng đời và nếu không sẽ bị xử lý như chất thải, như quy định tại Điều 3 (1) của Chỉ thị 2008/98/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 19/11/2008 về chất thải⁸

(b) “đưa vào thị trường” có nghĩa là việc cung cấp bằng mọi phương tiện, không phân biệt kỹ thuật bán hàng sử dụng, gỗ hoặc sản phẩm gỗ lần đầu tiên trên thị trường nội bộ để phân phối hoặc sử dụng trong quá trình của một hoạt động thương mại, cho dù có trả tiền hay miễn phí. Nó cũng bao gồm việc cung cấp bằng các phương tiện giao tiếp ở khoảng cách xa như quy định tại Chỉ thị 97/7/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 20/5/1997 về bảo vệ người tiêu dùng đối với các hợp đồng mua từ xa⁹. Việc cung cấp vào thị trường nội bộ của sản phẩm gỗ có nguồn gốc từ gỗ hoặc các sản phẩm gỗ đã đưa vào thị trường nội bộ không được coi là “đưa vào thị trường”

(c) "nhà kinh doanh" có nghĩa là bất kỳ người nào hoặc pháp nhân đưa gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường;

(d) "thương nhân" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc pháp nhân, trong quá trình hoạt động thương mại, bán hoặc mua trên nội bộ thị trường gỗ, sản phẩm gỗ đã đưa vào thị trường nội bộ;

(e) “quốc gia khai thác” có nghĩa là các quốc gia hoặc lãnh thổ nơi gỗ hoặc thành phần gỗ trong các sản phẩm gỗ đã được khai thác;

(f) “khai thác hợp pháp” có nghĩa là khai thác theo pháp luật hiện hành tại quốc gia khai thác;

(g) “khai thác trái phép” có nghĩa là khai thác trái với pháp luật hiện hành tại quốc gia khai thác;

(h) "pháp luật hiện hành" có nghĩa là pháp luật có hiệu lực trong quốc gia khai thác bao gồm các vấn đề sau đây:

- quyền khai thác gỗ trong ranh giới được pháp luật công nhận,
- các khoản thanh toán cho quyền khai thác và gỗ bao gồm cả các loại thuế liên quan đến khai thác gỗ,
- luật pháp khai thác gỗ, bao gồm cả về môi trường và lâm nghiệp bao gồm cả quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, trực tiếp có liên quan đến khai thác gỗ,

⁸ OJ L 312, 22.11.2008, trang 3.

⁹ OJ L 144, 4.6.1997, trang 19.

- quyền hợp pháp của bên thứ ba liên quan đến sử dụng và sở hữu mà bị ảnh hưởng bởi khai thác gỗ, và
- thương mại và hải quan, trong chừng mực ngành lâm nghiệp quan tâm.

Điều 3

Tình trạng sản phẩm gỗ và gỗ do FLEGT và Công ước CITES điều chỉnh

Gỗ có trong các sản phẩm gỗ được liệt kê trong Phụ lục II và III của Quy chế (EC) số 2173/2005 bắt nguồn từ các quốc gia đối tác được liệt kê trong Phụ lục I của Quy chế và các quy định phù hợp với Quy chế và các điều khoản thi hành sẽ được xem xét liệu có được khai thác hợp pháp cho mục đích của Quy chế. Gỗ của các loài được liệt kê trong Phụ lục A, B hoặc C theo Quy chế (EC) số 338/97 và các quy định phù hợp với Quy chế và các điều khoản thi hành sẽ được xem xét liệu có được khai thác hợp pháp cho mục đích của Quy chế này.

Điều 4

Nghĩa vụ của nhà kinh doanh

1. Việc đưa vào thị trường gỗ khai thác trái phép hoặc sản phẩm gỗ bắt nguồn từ gỗ trái phép là hành vi bị cấm.
2. Nhà kinh doanh sẽ thực hiện trách nhiệm giải trình khi đưa gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường. Lúc này, họ sẽ sử dụng một khuôn khổ các thủ tục và biện pháp, từ nay trở đi gọi là “hệ thống trách nhiệm giải trình”, như nêu trong Điều 6.
3. Mỗi nhà kinh doanh sẽ duy trì và thường xuyên đánh giá hệ thống trách nhiệm giải trình mà họ sử dụng, trừ phi nhà kinh doanh sử dụng hệ thống trách nhiệm giải trình do một cơ quan giám sát thiết lập như có đề cập trong Điều 8. Hệ thống giám sát hiện tại theo luật pháp quốc gia và mọi cơ chế chuỗi hành trình sản phẩm tự nguyện đáp ứng yêu cầu của Quy chế này có thể được sử dụng làm nền tảng cho hệ thống trách nhiệm giải trình.

Điều 5

Nghĩa vụ truy xuất nguồn gốc

Thông qua chuỗi cung cấp, các thương nhân có thể xác định:

- (a) nhà kinh doanh hoặc thương nhân đã cung cấp gỗ hoặc sản phẩm gỗ; và
- (b) thương nhân đã được cung cấp gỗ hoặc sản phẩm gỗ, nếu có thể.

Các thương nhân có thể giữ thông tin có đề cập đến trong khoản 1 trong ít nhất 5 năm và sẽ cung cấp thông tin đó cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

Điều 6

Hệ thống trách nhiệm giải trình

1. Hệ thống trách nhiệm giải trình có nói đến tại Điều 4 (khoản 2) bao gồm các yếu tố sau:

(a) các biện pháp và thủ tục cho phép truy cập đến những thông tin sau liên quan đến việc cung cấp gỗ hoặc sản phẩm gỗ của nhà kinh doanh vào thị trường:

- bản mô tả, bao gồm tên thương mại và chủng loại sản phẩm cũng như tên loài cây chung, nếu có thể, tên khoa học đầy đủ

- quốc gia khai thác, và nếu có thể:

- (i) khu vực cụ thể tại quốc gia nơi gỗ đã được khai thác; và

- (ii) khoảnh khai thác,

- định lượng (nêu khối lượng, trọng lượng hoặc số đơn vị),

- tên và địa chỉ nhà cung cấp cho nhà kinh doanh,

- tên và địa chỉ thương nhân mà nhà kinh doanh cung cấp gỗ hoặc sản phẩm gỗ,

- chứng từ và thông tin khác chỉ ra sự tuân thủ với luật pháp hiện hành đối với lượng gỗ và sản phẩm gỗ này;

(b) những thủ tục đánh giá rủi ro thúc đẩy nhà kinh doanh phân tích và đánh giá rủi ro của gỗ khai thác trái phép và sản phẩm gỗ có nguồn gốc từ gỗ trái phép được đưa vào thị trường.

Các thủ tục này sẽ tính tới thông tin được đưa ra tại điểm (a) cũng như các tiêu chí đánh giá rủi ro có liên quan, bao gồm:

- đảm bảo sự tuân thủ luật pháp hiện hành, có thể bao gồm cơ chế chứng chỉ hoặc xác nhận của bên thứ 3 mà đã tuân thủ với luật pháp hiện hành.

- tình trạng khai thác trái phép các loài cây cụ thể

- tình trạng khai thác trái phép hoặc những hành vi tại quốc gia khai thác và/hoặc khu vực cụ thể mà gỗ được khai thác, bao gồm cả tình trạng xung đột có vũ trang,

- các biện pháp trừng phạt mà Ủy ban An ninh Liên hợp quốc hoặc Ủy ban châu Âu về nhập khẩu và xuất khẩu gỗ

- sự phức tạp của chuỗi cung cấp gỗ và sản phẩm gỗ.

(c) trừ phi rủi ro xác định trong thủ tục đánh giá rủi ro đã nêu tại điểm (b) là không đáng kể, các thủ tục giảm nhẹ rủi ro bao gồm một loạt các biện pháp và thủ tục tương ứng và phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro có hiệu quả và có thể bao gồm yêu cầu thông tin hoặc chứng từ thêm và/hoặc yêu cầu xác nhận của bên thứ 3.

2. Các quy định chi tiết cần thiết để bảo đảm thống nhất thực hiện khoản 1, trừ trường hợp liên quan đến tiêu chí đánh giá rủi ro có liên quan nêu tại câu thứ hai của khoản 1 (b) của Điều khoản này, cần được áp dụng theo thủ tục pháp lý quy định tại Điều 18 (khoản 2). Những quy định này sẽ được thông qua trước 3/6/2012.

3. Với sự phát triển thị trường và kinh nghiệm có được trong việc thực hiện Quy chế này, đặc biệt như đã xác định thông qua việc trao đổi thông tin quy định tại Điều 13 và việc báo cáo nêu tại Điều 20 (khoản 3), Ủy ban có thể thông qua các đạo luật được ủy quyền trong theo quy định của Điều 290 TFEU liên quan đến tiêu chí đánh giá rủi ro có liên quan có thể cần để bổ sung những điều nêu ở câu thứ hai của khoản 1(b) của Điều khoản này nhằm đảm bảo hiệu quả của hệ thống trách nhiệm giải trình.

Đối với các đạo luật được ủy quyền có nói đến trong phần này sẽ áp dụng các thủ tục nêu trong Điều 15, 16 và 17.

Điều 7

Cơ quan có thẩm quyền

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ chỉ định một hoặc nhiều cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm áp dụng Quy chế này.

Các quốc gia thành viên sẽ thông báo với Ủy ban tên và địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền trước ngày 3/6/2011. Các quốc gia thành viên sẽ thông báo với Ủy ban mọi thay đổi về tên và địa chỉ của các cơ quan có thẩm quyền này.

2. Ủy ban sẽ công bố, bao gồm trên cả Internet, danh sách các cơ quan có thẩm quyền. Danh sách này sẽ được thường xuyên cập nhật.

Điều 8

Các cơ quan giám sát

1. Cơ quan giám sát sẽ:

(a) Duy trì và thường xuyên đánh giá hệ thống trách nhiệm giải trình như nêu tại Điều 6 và trao cho các nhà kinh doanh quyền sử dụng hệ thống;

(b) Xác minh việc sử dụng hệ thống trách nhiệm giải trình một cách đúng đắn của các nhà kinh doanh;

(c) Tiến hành hành động cần thiết trong trường hợp nhà kinh doanh sử dụng sai hệ thống trách nhiệm giải trình, bao gồm việc thông báo với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp sử dụng sai đáng kể và lặp lại nhiều lần của nhà kinh doanh.

2. Một tổ chức có thể được công nhận là cơ quan giám sát nếu nó tuân thủ các yêu cầu sau:

(a) có tư cách pháp nhân và được thành lập đúng luật trong Liên minh;

(b) có chuyên môn phù hợp và khả năng tiến hành các chức năng đã nêu tại khoản 1; và

(c) đảm bảo không có mâu thuẫn về lợi ích trong việc tiến hành các chức năng của mình.

3. Ủy ban, sau khi tham vấn các quốc gia thành viên có liên quan, sẽ công nhận một cơ quan giám sát đối với tổ chức đáp ứng các yêu cầu nêu trong khoản 2.

Quyết định công nhận cơ quan giám sát sẽ được Ủy ban thông báo với các cơ quan có thẩm quyền của tất cả các quốc gia thành viên .

4. Cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành kiểm tra định kỳ để xác minh rằng cơ quan giám sát hoạt động dưới thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền tiếp tục thực hiện những chức năng nêu tại khoản 1 và tuân thủ các yêu cầu nêu ở khoản 2. Kiểm tra cũng có thể được tiến hành khi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên có thông tin, bao gồm những quan ngại đã được chứng minh từ các bên thứ 3 hoặc phát hiện được những thiếu sót trong việc thực hiện của nhà kinh doanh về hệ thống trách nhiệm giải trình mà cơ quan giám sát thiết lập. Báo cáo kiểm tra sẽ được công bố theo Chỉ thị 2003/4/EC.

5. Nếu cơ quan có thẩm quyền xác định rằng cơ quan giám sát hoặc không còn tuân thủ theo các chức năng đã nêu trong khoản 1 hoặc không còn tuân thủ các yêu cầu được nêu trong khoản 2, thì cần thông báo với Ủy ban ngay lập tức.

6. Ủy ban sẽ hủy bỏ công nhận một cơ quan giám sát khi, đặc biệt là trên cơ sở thông tin được cung cấp theo khoản 5, Ủy ban xác định rằng cơ quan giám sát đó đã không còn tuân thủ theo các chức năng đã nêu trong khoản 1 hoặc các yêu cầu được nêu trong khoản 2. Trước khi hủy bỏ công nhận của một cơ quan giám sát, Ủy ban sẽ thông báo với các quốc gia thành viên có liên quan.

Quyết định hủy bỏ công nhận một cơ quan giám sát sẽ được Ủy ban thông báo với các cơ quan có thẩm quyền của tất cả các quốc gia thành viên.

7. Nhằm bổ sung các quy định thủ tục có liên quan đến công nhận và hủy bỏ công nhận cơ quan giám sát và, nếu kinh nghiệm có liên quan đòi hỏi, sửa đổi các quy định này, Ủy ban có thể thông qua một số đạo luật theo Điều 290 TFEU, trong khi đảm bảo rằng việc công nhận và hủy bỏ công nhận được thực hiện một cách công khai và minh bạch.

Đối với các đạo luật có nêu trong khoản này sẽ áp dụng thủ tục nêu trong Điều 15, 16 và 17. Các đạo luật này sẽ được thông qua trước ngày 3/3/2012.

8. Các quy định chi tiết liên quan đến tuần suất và tính chất các đợt kiểm tra có nêu trong khoản 4 cần để đảm bảo sự giám sát hiệu quả của cơ quan giám sát và thực hiện nhất quán của khoản này, sẽ được thông qua theo các thủ tục pháp lý có nêu trong Điều 18 (khoản 2). Các quy định này sẽ được thông qua trước ngày 3/6/2012.

Điều 9

Danh sách các cơ quan giám sát

Ủy ban sẽ xuất bản danh sách các cơ quan giám sát trong *Bản tin chính thức của Liên minh châu Âu*, loạt C, và sẽ đưa lên trang web. Danh sách này sẽ thường xuyên được cập nhật.

Điều 10

Kiểm tra các nhà kinh doanh

1. Cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành kiểm tra để xác minh các nhà kinh doanh có tuân thủ các yêu cầu nêu trong Điều 4 và 6 hay không.
2. Các đợt kiểm tra nêu trong khoản 1 sẽ được tiến hành theo kế hoạch đã được xem xét định kỳ theo phương pháp tiếp cận rủi ro. Ngoài ra, kiểm tra cũng có thể được tiến hành khi cơ quan có thẩm quyền có thông tin có liên quan, bao gồm trên cơ sở quan ngại đã được chứng minh do bên thứ 3 cung cấp, liên quan đến việc tuân thủ Quy chế này của nhà kinh doanh.
3. Việc kiểm tra nêu tại khoản 1 có thể bao gồm nhưng không giới hạn:
 - (a) kiểm tra hệ thống trách nhiệm giải trình, bao gồm các thủ tục đánh giá rủi ro và giảm nhẹ rủi ro;
 - (b) kiểm tra tài liệu và Bản tin thể hiện hoạt động đúng đắn của hệ thống trách nhiệm giải trình và các thủ tục;
 - (c) kiểm tra đột xuất, gồm cả kiểm tra hiện trường.
4. Các nhà kinh doanh sẽ cung cấp mọi hỗ trợ cần thiết cho việc thực hiện kiểm tra đã nêu trong khoản 1, đặc biệt là quyền tiếp cận với lãnh địa và xuất trình tài liệu và chứng từ.
5. Không phương hại đến Điều 19, sau các đợt kiểm tra đã nêu trong khoản 1, khi phát hiện thiếu sót, cơ quan có thẩm quyền có thể ra thông báo về biện pháp sửa chữa mà nhà kinh doanh cần tiến hành. Ngoài ra, tùy thuộc vào tính chất của các thiếu sót được phát hiện, các quốc gia thành viên có thể tiến hành ngay các biện pháp tạm thời, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - (a) tịch thu gỗ và sản phẩm gỗ;
 - (b) cấm kinh doanh gỗ và sản phẩm gỗ.

Điều 11

Biên bản kiểm tra

1. Cơ quan có thẩm quyền sẽ giữ lại Biên bản kiểm tra đã nêu trong Điều 10 (khoản 1), có nêu rõ tính chất và kết quả, cũng như mọi thông báo biện pháp sửa chữa đã ra theo Điều 10 (khoản 5). Biên bản của tất cả mọi đợt kiểm tra cần được giữ lại ít nhất 5 năm.
2. Thông tin nêu ở khoản 1 sẽ được công bố theo Chỉ thị số 2003/4/EC.

Điều 12

Hợp tác

1. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ hợp tác với từng bên, với các nhà chức trách chính quyền của các quốc gia thứ ba và với Ủy ban nhằm đảm bảo việc tuân thủ Quy định này.
2. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ chia sẻ thông tin về những vấn đề sai sót nghiêm trọng được phát hiện thông qua các đợt kiểm tra được đề cập tại các Điều 8 (khoản 4) và Điều 10 (khoản 1) và các loại hình phạt được đưa vào tuân thủ Điều 19 với các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên khác và với Ủy ban.

Điều 13

Hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn và trao đổi thông tin

1. Không có gì tổn hại cho việc tuân thủ của các nhà kinh doanh khi thực hiện trách nhiệm giải trình theo Điều 4 (khoản 2), các quốc gia thành viên, dưới sự trợ giúp của Ủy ban khi cần thiết, có thể cung cấp các trợ giúp kỹ thuật và hỗ trợ và hướng dẫn khác tới các nhà kinh doanh, trên cơ sở xem xét hiện trạng các nhà kinh doanh quy mô vừa và nhỏ, nhằm hỗ trợ thực thi các yêu cầu của Quy định này, đặc biệt liên quan tới việc thực thi hệ thống trách nhiệm giải trình tuân thủ quy định tại Điều 6.
2. Dưới sự trợ giúp của Ủy ban khi cần thiết, các quốc gia thành viên có thể hỗ trợ việc trao đổi và phổ biến các thông tin liên quan đến hoạt động khai thác trái phép, đặc biệt với quan điểm nhằm hỗ trợ các nhà kinh doanh trong việc đánh giá rủi ro, nguy cơ như được nêu trong Điều 6 (khoản 1) (mục b), và về các phương thức, biện pháp tốt nhất liên quan tới việc thực hiện Quy định này.
3. Việc hỗ trợ có thể được cung cấp với cách thức theo đó tránh làm tổn hại đến những trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền và đảm bảo tính độc lập trong việc thực hiện Quy định này.

Điều 14

Những sửa đổi, bổ sung của phần Phụ lục

Một mặt nhằm xem xét tới kinh nghiệm được đúc rút trong quá trình thực hiện Quy định này, cụ thể như được xác định thông qua báo cáo được nêu tại Điều 20 (khoản 3) và (khoản 4) và thông qua việc trao đổi thông tin được nêu tại Điều 13, và mặt khác những tiến triển liên quan tới những đặc điểm kỹ thuật, người sử dụng đầu cuối và quá trình sản xuất gỗ và sản phẩm gỗ, Ủy ban có thể áp dụng những đạo luật được ủy quyền tuân thủ Điều 290 của TFEU bằng cách sửa đổi và bổ sung danh mục gỗ và các sản phẩm gỗ được quy định cụ thể trong khoản Phụ lục. Những hành động như vậy sẽ không tạo ra một gánh nặng thiếu cân xứng nào đối với các nhà kinh doanh.

Đối với những đạo luật được ủy quyền được nêu trong Điều này, các quy trình thủ tục được quy định cụ thể tại các Điều 15, 16 và 17 có thể áp dụng.

Điều 15

Thi hành sự ủy quyền, đại diện

1. Quyền thông qua những đạo luật được ủy quyền được quy định tại các Điều 6 (khoản 3), Điều 8 (khoản 7) và Điều 14 sẽ được trao cho Ủy ban trong giai đoạn 7 năm bắt đầu từ ngày 2/12/2010. Ủy ban sẽ có báo cáo liên quan tới những quyền được giao phó không chậm hơn 3 tháng trước khi kết thúc giai đoạn 3 năm sau ngày áp dụng Quy định này. Việc ủy quyền, sẽ tự động được kéo dài với một giai đoạn tương tự trừ phi Nghị viện Châu Âu hoặc Hội đồng Châu Âu rút lại quyết định của mình theo quy định tại Điều 16.
2. Ngay khi đạo luật được ủy quyền được thông qua, Ủy ban sẽ thông báo đồng thời tới Nghị viện và Hội đồng Châu Âu.
3. Quyền thông qua các đạo luật được ủy quyền được trao cho Ủy ban tùy thuộc vào những điều kiện được quy định tại các Điều 16 và 17.

Điều 16

Hủy bỏ, rút lại sự ủy quyền, đại diện

1. Việc trao các quyền được đề cập tại các Điều 6 (khoản 3), Điều 8 (khoản 7) và Điều 14 có thể bị hủy bỏ bất kỳ lúc nào bởi quyết định của Nghị viện hoặc Hội đồng Châu Âu.
2. Cơ quan đã khởi xướng một thủ tục nội bộ để quyết định việc thu hồi ủy quyền phải thông báo tới cơ quan còn lại và Ủy ban trong thời gian hợp lý trước khi quyết định cuối cùng được thực hiện, nêu rõ những quyền hạn có thể bị rút lại và cá lý do liên quan tới việc rút lại này.
3. Quyết định thu hồi sẽ đặt dấu chấm hết cho việc trao quyền được cụ thể hóa trong quyết định đó. Quyết định này có thể có hiệu lực ngay lập tức hoặc một thời hạn sau đó được nêu cụ thể trong quyết định. Quyết định này không ảnh hưởng tới hiệu lực của các đạo luật đại diện, ủy quyền đã được thực thi. Quyết định này sẽ được công bố trong *Bản tin chính thức của Liên minh Châu Âu*.

Điều 17

Phản đối các đạo luật được ủy quyền

1. Nghị viện châu Âu hay Hội đồng có thể phản đối một đạo luật được ủy quyền trong vòng hai tháng kể từ ngày thông báo. Theo đề xuất của Nghị viện châu Âu hay Hội đồng giai đoạn này sẽ có thể được kéo dài thêm hai tháng.
2. Nếu, lúc thời hạn đó kết thúc, cả Nghị viện châu Âu cũng như Hội đồng đã phản đối những đạo luật được ủy quyền, điều này sẽ được công bố trên Bản tin chính thức của Liên minh châu Âu và sẽ có hiệu lực vào ngày ghi trong đó.

Đạo luật được ủy quyền có thể được công bố trên Bản tin chính thức của Liên minh châu Âu và có hiệu lực trước khi kết thúc giai đoạn đó nếu như Nghị viện và Hội đồng đã cùng thông báo tới Ủy ban ý định không phản đối của cơ quan mình.

3. Nếu như Nghị viện hoặc Hội đồng Châu Âu phản đối đạo luật được ủy quyền, đạo luật này sẽ không được thực hiện. Cơ quan đưa ra ý kiến phản đối cần trình bày những nguyên nhân cho việc phản đối đạo luật được ủy quyền.

Điều 18

Ủy ban

1. Ủy ban sẽ được hỗ trợ bởi Ủy ban về Thực thi lâm luật, Quản trị và Thương mại (FLEGT) được thành lập trong khuôn khổ Điều 11 của Quy định (EC) số 2173/2005.

2. Tham chiếu đến khoản, áp dụng Điều 5 và 7 của Quyết định 1999/468/EC, có liên quan tới các điều khoản của Điều 8 của văn bản đó.

Thời hạn quy định tại Điều 5 (khoản 6) của Quyết định 1999/468/EC được quy định là ba tháng.

Điều 19

Các hình phạt

1. Các quốc gia thành viên sẽ đưa vào các quy định về các hình phạt được áp dụng đối với các hành vi vi phạm các điều khoản của Quy định này và sẽ áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng chúng được thực hiện.

2. Các khung hình phạt đưa ra phải hiệu quả, thỏa đáng và có tính chất răn đe và có thể bao gồm, không kể những hình thức khác:

(a) các khoản nộp phạt tương xứng với thiệt hại môi trường, giá trị của gỗ hoặc các sản phẩm gỗ có liên quan và thất thu thuế cũng như thiệt hại kinh tế phát sinh từ hành vi vi phạm, tính toán mức tiền phạt như vậy theo cách này nhằm để đảm bảo rằng chúng có hiệu quả làm mất đi khả năng tiếp nhận các lợi ích kinh tế có thể thu được từ những hành vi vi phạm nghiêm trọng của họ mà không phương hại đến các quyền hợp pháp để thực hiện một nghề nghiệp, và tăng dần mức tiền phạt như vậy đối với hành vi vi phạm nghiêm trọng lặp đi lặp lại;

(b) thu giữ gỗ và các sản phẩm gỗ có liên quan;

(c) lập tức đình chỉ việc cấp phép thương mại.

3. Các quốc gia thành viên cần thông báo những điều khoản đó tới Ủy ban đồng thời thông tin ngay lập tức về bất kỳ những sửa đổi, bổ sung nào có ảnh hưởng tới những điều khoản này.

Điều 20

Báo cáo

1. Các quốc gia thành viên sẽ đệ trình lên Ủy ban vào ngày 30/4 hai năm một lần sau ngày 3/3/2013 một báo cáo về việc áp dụng quy định này trong suốt 2 năm trước đó.

2. Trên cơ sở các báo cáo đó, Ủy ban sẽ tổng hợp một báo cáo và trình lên Nghị viện và Hội đồng 2 năm một lần. Trong quá trình xây dựng báo cáo, Ủy ban sẽ xem xét tiến độ thực hiện liên quan tới việc kết luận và hoạt động của các Hiệp định FLEGT VPAs theo Quy chế (EC) số 2173/2005 và đóng góp của những hiệp định này trong việc giảm thiểu sự hiện diện của gỗ khai thác trái phép và sản phẩm gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp trên thị trường nội bộ.

3. Cho đến ngày 3/12/2015 và 6 năm một lần, Ủy ban sẽ, trên cơ sở báo cáo và kinh nghiệm về việc áp dụng Quy chế này, xem xét các hoạt động và tính hiệu quả của Quy chế này, kể cả trong việc ngăn ngừa gỗ khai thác trái phép hoặc sản phẩm gỗ có nguồn gốc trái phép được đưa vào lưu thông trên thị trường. Ủy ban sẽ đặc biệt xem xét những kết quả về mặt quản lý đối với các nhà kinh doanh quy mô nhỏ và vừa cũng như danh mục các sản phẩm. Các báo cáo có thể đi kèm, nếu cần thiết, với các đề xuất thích hợp về mặt pháp luật.

4. Việc đầu tiên của các báo cáo nêu tại khoản 3 sẽ bao gồm một đánh giá tình hình hiện trạng kinh tế và thương mại của Liên minh đối với các sản phẩm được liệt kê theo Chương 49 của Danh mục kết hợp, xem xét cụ thể tính cạnh tranh của các ngành liên quan, để quyết định khả năng đưa vào danh sách các sản phẩm gỗ và gỗ đặt ra trong Phụ lục của Quy chế này.

Bản báo cáo được nêu tại các điểm đầu tiên cũng đưa vào phân đánh giá hiệu quả của việc cấm lưu thông trên thị trường gỗ khai thác trái phép và các sản phẩm gỗ có nguồn gốc trái phép như quy định trong Điều 4 (khoản 1) cũng như hệ thống trách nhiệm giải trình được quy định tại Điều 6.

Điều 21

Hiệu lực Thi hành và Áp dụng

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau khi được công bố trong *Bản tin chính thức của Liên minh Châu Âu*.

Quy định này sẽ áp dụng từ ngày 3/3/2013. Tuy nhiên, các Điều 6(khoản 2), Điều 7 (khoản 1), Điều 8 (khoản 7) và Điều 8 (khoản 8) được áp dụng từ ngày 2/12/2010.

Quy định này mang tính pháp lý ràng buộc toàn bộ và áp dụng trực tiếp tại tất cả các quốc gia thành viên.

Được thực hiện tại Strasbourg, ngày
20/10/2010. *Đại diện Nghị viện Châu Âu*

Đại diện Hội đồng Châu Âu
Chủ tịch

Chủ tịch

J. BUZEK

O. CHASTEL

PHỤ LỤC

Gỗ và các sản phẩm gỗ được phân loại trong Danh pháp tổng hợp được nêu trong Phụ lục 1 của Quy chế Hội đồng (EEC) Số 2658/87¹⁰, theo đó Quy định này áp dụng

- 4401 Gỗ nhiên liệu, ở dạng khối, dạng thanh, dạng cành hoặc các dạng tương tự; gỗ làm dăm hoặc ván ép; mùn cưa và gỗ phế liệu và mảnh, đã hoặc chưa đóng lại thành khối, than bánh, viên hoặc các dạng tương tự
 - 4403 Gỗ dạng thô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc dát gỗ, hoặc cắt sửa vuông vắn
 - 4406 Gỗ tà vẹt đường sắt hoặc đường xe điện (nằm ngang)
 - 4407 Gỗ xẻ hoặc chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, đánh giấy ráp hoặc nổi đầu cuối, có chiều dày trên 6 mm
 - 4408 Các mảnh dán veneer (bao gồm cả những mảnh thu được bằng cách lạng gỗ ghép), cho gỗ dán hoặc để làm gỗ ép tương tự khác và gỗ khác, xẻ dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, đánh giấy ráp, ghép hoặc nổi đầu cuối, chiều dày không quá 6 mm
 - 4409 Gỗ (bao gồm dãi và trụ cho sàn gỗ, không lắp ráp) liên tục hình (vuốt nhọn, có rãnh, xẻ rãnh, vát, nổi hình chữ V, đỉnh cườm, đúc, uốn tròn hoặc tương tự) dọc theo các cạnh của nó, các điểm đầu hoặc điểm cuối, đã hoặc chưa bào, đánh giấy ráp hoặc nổi đầu cuối
 - 4410 Ván dăm, ván dãi (OSB) và dạng ván tương tự (ví dụ ván mỏng) bằng gỗ hoặc vật liệu giống gỗ khác, đã hoặc chưa đóng bánh với các loại nhựa hoặc các hợp chất hữu cơ khác
 - 4411 Ván sợi bằng gỗ hoặc vật liệu gỗ khác, có hoặc không gắn với các loại nhựa hoặc các hợp chất hữu cơ khác
 - 4412 Gỗ dán, ván phủ veneer và gỗ ghép thanh tương tự
 - 4413 00 00 Gỗ đóng đặc, dạng khối, dạng tấm, dạng dãi hoặc theo hình khối
 - 4414 00 Gỗ khung tranh, ảnh, gương hoặc các đồ vật tương tự
 - 4415 Đóng gói, hộp, thùng, trống, bao bì tương tự, bằng gỗ; cáp trống bằng gỗ, pallet, pallet hộp và các dạng ván tải khác bằng gỗ, vòng đai pallet gỗ
- (Không phải vật liệu đóng gói được sử dụng đặc biệt như là vật liệu đóng gói để hỗ trợ, bảo vệ hay tách, nâng một sản phẩm khác được lưu thông trên thị trường.)
- 4416 00 00 Thùng, thùng, bể chứa, bồn tắm và hộp khác của sản phẩm và bộ phận của chúng, bằng gỗ, bao gồm cả các mảnh ván cong
 - 4418 Đồ mộc và nghề mộc của thợ xây, bao gồm các tấm gỗ di động, lắp ráp các tấm ván sàn, ván ốp và lức

¹⁰ Quy chế Hội đồng (EEC) số 2658/87 ban hành ngày 23 tháng 7 năm 1987 về thuế quan và danh pháp thống kê và Thuế xuất Hải quan thông thường (OJ L 256, 7.9.1987, p. 1).

- Bột giấy và giấy theo các Chương 47 và 48 của Danh mục tổng hợp không bao gồm các sản phẩm làm từ tre nứa và sản phẩm phục hồi (gỗ phế liệu và mảnh)
- 9403 30, 9403 40, 9403 50 00, 9403 60 và 9403 90 30 đồ gỗ
- 9406 00 20 các tòa nhà đúc sẵn